jí zhuǎn zhí xià

急转直下

idiom · take a sudden turn for the worse

Example Sentences

bǐ sài xíng shì jí zhuǎn zhí xià
比赛形势急转直下。

The game situation suddenly took a turn for the worse.

tán pàn gāng kāi shǐ hái hěn shùn lì hòu lái què jí zhuǎn zhí xià
谈判刚开始还很顺利，后来却急转直下。

The negotiations started smoothly but then suddenly deteriorated.

Trace each character, then write the word on your own.